# BÀI 1.1. VĂN BẢN QUÊ HƯƠNG

**I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**

- Chủ đề *Thương nhớ quê hương* bao gồm các văn bản thơ và tùy bút.

- Tên và thể loại của các VB đọc chính và VB đọc kết nối chủ điểm, đọc mở rộng theo thể loại:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Thể loại** |
| Quê hương | Thơ |
| Bếp lửa | Thơ |
| Vẻ đẹp của sông Đà | Tùy bút |
| Mùa xuân nho nhỏ | Thơ |

**II. TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đặc điểm** | | |
| **VB văn học** | Khái niệm | - Là công trình nghệ thuật ngôn từ, kết quả hoạt động sáng tác của cá nhân hoặc tập thể nhà văn và là đơn vị độc lập cơ bản của văn học.  - Tồn tại dưới dạng:  + Truyền miệng.  + Viết (văn tự) với quy mô một câu, vài dòng (tục ngữ, ca dao…) đến hàng vạn câu, hàng ngàn trang (sử thi, tiểu thuyết…). | |
| Cấu trúc | Là một hệ thống phức tạp gồm hàng loạt yếu tố thuộc các bình diện khác nhau của nội dung và hình thức. | |
| Hình thức nghệ thuật | Là cách tổ chức, kết nối mọi yếu tố (bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp,...) nhằm tạo nên tính chỉnh thể của tác phẩm. | |
| **Thơ** | Kết cấu | Khái niệm | Là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. |
| Biểu hiện | + (1) Sự chọn lựa thể thơ.  + (2) Sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định (bố cục).  + (3) Sự triển khai mạch cảm xúc.  + (4) Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ,... |
| Ngôn ngữ | - Hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh điệu, đối,...  - Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ được thể hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn qua âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ, những yếu tố ấy góp phần làm tăng thêm hàm nghĩa cho bài thơ.  => Những đặc điểm trên khiến cho bài thơ dễ dàng tác động trực tiếp đến cảm xúc của người đọc và khắc sâu trong tâm trí họ. | |

**III. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**1. Đọc**

- Cách đọc: đọc với giọng diễn cảm, nhẹ nhàng. Nhấn mạnh một số từ ngữ miêu tả, hình tượng hình thanh để gợi lên cho người đọc khung cảnh nơi làng biển, chất giọng bồi hồi để làm nổi bật lên nỗi niềm thương nhớ của tác giả dành cho quê hương của mình

- Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn:

|  |
| --- |
| **Câu trả lời của tôi** |
| Bầu trời rộng lớn, thoáng đãng, gió thổi nhè nhẹ với ánh mặt trời vừa nhú lên ửng “hồng”, dân trai tráng trong làng lại ra khơi đánh bắt cá. Chiếc thuyền lướt nhẹ trên mặt biển, mang theo ước mơ, hi vọng về một mùa cá bội thu.  => Khung cảnh tuyệt đẹp, yên bình. Khung cảnh đó thật hào hùng, thật tráng lệ. |
| Bốn dòng cuối trong khổ thơ mang lại cho em cảm giác rằng tác giả đang ở một nơi xa, nhớ về những điều đặc trưng của biển - quê hương của tác giả. Quê hương luôn nằm trong tiềm thức nhà thơ, quê hương luôn hiện hình trong từng suy nghĩ, từng dòng cảm xúc. |

**2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

1. **Tác giả**

- Tế Hanh (1921 – 2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh.

- Quê ở xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông có mặt trong phong trào thơ Mới ở chặng cuối với những bài thơ mang nỗi buồn và tình yêu quê hương.

- Phong cách sáng tác: thơ ông chân thực với cách diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, tự nhiên và rất giàu hình ảnh.

- Tác phẩm chính: các tập thơ *Hoa niên* (1945), *Gửi miền Bắc* (1955), *Tiếng sóng* (1960), *Hai nửa yêu thương* (1963)…

**b. Tác phẩm**

- Bài thơ *Quê hương* viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương - một làng chài ven biển tha thiết.

- Bài thơ được rút trong tập *Nghẹn ngào* (1939) và sau đó được in trong tập *Hoa niên* (1945).

**IV. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**

**1. Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ trong bài thơ *Quê hương.***

**a. Hình ảnh dân chài và cuộc sống làng chài:**

- Hình ảnh dân chài: *phăng mái chèo, làn da ngăm rám nắng cả thân hình nồng thở vị xa xăm, tấp nập đón ghe về…*

*-* Hình ảnh cánh buồm: *giương to như mảnh hồn làng/ rướn thân trắng.*

*-* Hình ảnh những con cá: *thân bạc trắng.*

*-* Hình ảnh con thuyền: *hăng như con tuấn mã.*

**b. Chủ đề bài thơ:**

- Hình ảnh quê hương qua bức tranh sinh hoạt làng chài vùng biển trong nỗi nhớ của tác giả.

- Chủ đề này được thể hiện qua các hình thức nghệ thuật như: giọng điệu trìu mến, thiết tha, bố cục bài thơ, mạch cảm xúc, các biện pháp nhân hoá, so sánh, nghệ thuật sáng tạo hình ảnh,..

**c. Hiệu quả nghệ thuật của một số biện pháp tu từ trong các câu thơ:**

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao lao thâu góp gió…*

+ Biện pháp tư từ so sánh: dùng cái cụ thể (*cánh buồm)* để chỉ cái trừu tượng (*mảnh hồn*).

+ Tác dụng: làm cho hình ảnh cánh buồm quen thuộc trở nên thiêng liêng, thơ mộng đồng thòi gọi tả sự hiên ngang, mạnh mẽ của người dân miền biển, hoà mình vào thiên nhiên, đương đầu với thử thách.

*Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

+ Biện pháp tu từ nhân hóa: *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm/ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

*+* Tác dụng: gợi tả cảm giác yên bình, trầm tư sau những ngày sóng gió trên biển.

**d. Cách gieo vần, cách ngắt nhịp trong bài thơ:**

- Cách gieo vần:

+ Vần chân, liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ năm*).

+ Vần cách đồng thời là vần thông (*vôi/ khơi*).

- Cách ngắt nhịp: 3/5 kết hợp với 3/2/3, 4/4 tạo nên nhịp điệu uyển chuyển cho bài thơ.

=> Thể hiện tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

**e. Mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ:**

- Mạch cảm xúc:

+ Khổ 1,2,3: Cảm xúc tự hào về quê hương được thể hiện gián tiếp qua những hình ảnh gợi tả sống động vẻ đẹp lao động của dân chài, cuộc sống làng chài.

+ Khổ 4: cảm xúc nhớ thương quê hương da diết từ màu sắc (*màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi*) đến mùi vị nồng mặn của biển cả.

- Cảm hứng chủ đạo: cảm hứng ca ngợi cuộc sống lao động lạc quan, khoẻ khoắn của người dân chài và thể hiện tình yêu quê hương thiết tha, sâu lắng của tác giả.

**2. Tìm hiểu yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài thơ *Quê hương***

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố miêu tả** | **Yếu tố biểu cảm** |
| - Miêu tả dân chài: *làn da ngăm rám nắng, phăng mái chèo mạnh mẽ, thân hình nồng thở vị xa xăm*. - Miêu tả con thuyền và cảnh đánh bắt cá: *trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng, cánh buồm giương to, rướn thân trắng, tấp nập đón ghe về, màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,...* | Thể hiện tình cảm của nhà thơ: *lòng tôi luôn tưởng nhớ, tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.* |
| **Tác dụng:**  **+** Kết hợp hai yếu tố vừa gợi tả sống động bức tranh cuộc sống lao động đầy chất thơ của làng chài, vẻ đẹp khoẻ mạnh, cường tráng của người dân chài, vừa thể hiện tình cảm thương nhớ quê hương.  + Tuy nhiên, yếu tố biểu cảm vẫn là chủ đạo vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình. | |

**3. Tìm hiểu nét đặc sắc của kết cấu trong bài thơ *Quê hương***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách sắp xếp bố cục** | **Cách triển khai**  **mạch cảm xúc** | **Cách kết hợp giữa**  **miêu tả và biểu cảm** |
| - Bài thơ mở đầu với hai dòng thơ giới thiệu khái quát về nghề nghiệp của dân làng, vị trí của làng (khổ 1).  - Sau đó tiếp nối với hình ảnh lao động của cuộc sống làng chài (khổ 2, khổ 3).  - Kết lại với nỗi nhớ làng chài, nỗi nhớ quê hương với những hình ảnh đầy màu sắc (*nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*) và mùi vị nồng mặn của quê hương (khổ 4). | - Tình yêu tha thiết với quê hương được thể hiện gián tiếp qua cách tả về làng, về người dân chài và cuộc sống của họ (khổ 1, 2, 3).  => Qua cách nhìn, cách phóng chiếu những hình ảnh cụ thể thành những hình ảnh lớn lao, kì vĩ, mang linh hồn của quê hương.  - Tình yêu quê hương còn được thể hiện trực tiếp ở khổ cuối với những từ cảm thán, nỗi nhớ da diết thông qua những hình ảnh cụ thể, đầy màu sắc, hương vị của cuộc sống lao động: *màu nước xanh, cá bạc, cánh buồm vôi, mùi nồng mặn của biển cả* (khổ 4). | - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa miêu tả và biểu cảm, xét về số lượng thì 18/20 dòng thơ miêu tả, chỉ có hai dòng thơ là biểu lộ trực tiếp tình cảm của tác giả (*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ,/ Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá*).  - Tuy nhiên, phương thức thể hiện chủ yếu vẫn là biểu cảm vì toàn bộ hệ thống hình ảnh quê hương được hiện lên thông qua nỗi nhớ của một người con xa quê, vì thế, các hình ảnh miêu tả là phương tiện để thể hiện nỗi nhớ của nhân vật trữ tình. |
| **Kết cấu** | | |
| - Cách gieo vần:  + Vần chân, liền (*giang/ làng, sông/ hồng, trắng/ nắng, xăm/ năm*).  + Vần cách đồng thời là vần thông (*vôi/ khơi*).  - Cách ngắt nhịp: 3/5 kết hợp với 3/2/3, 4/4 tạo nên nhịp điệu uyển chuyển cho bài thơ.  - Cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá,…  => Giúp cho bài thơ trở thành một chỉnh thể toàn vẹn và thể hiện tốt nhất hình ảnh vừa thân thuộc vừa lớn lao, kì vĩ của quê hương và tình yêu tha thiết với quê hương của tác giả. | | |

**4. Liên hệ bản thân**

**-** Gợi ý: Em ấn tượng điểm nào của bài thơ (nội dung, nghệ thuật,…)? Bài thơ khơi gợi cho em tình cảm, cảm xúc gì?

**5. Tổng kết**

**a. Nội dung**

- Vẻ đẹp tươi sáng, khỏe khoắn của cảnh và người lao động trong cuộc sống làng chài.

- Tình yêu quê hương trong sáng, đằm thắm, niềm tự hào, gắn bó với quê hương của nhà thơ Tế Hanh.

**b. Nghệ thuật**

- Giọng thơ mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ giàu giá trị biểu cảm.

- Hình ảnh so sánh giàu hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao.

- Phép ẩn dụ, phép nhân hóa, đảo trật tự từ trong câu…

- Hàng loạt động từ mạnh, tính từ, phép liệt kê.

- Sử dụng phương pháp biểu đạt tự sự đan xen miêu tả và biểu cảm.